

**T.A.N.D HUYỆN Y**  
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: /2017/HNGĐ- ST

Ngày: 26/7/2017.

V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Chủ tọa phiên toà:*** Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lương Ngọc Biên

Ông Lương Văn Định

***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án, TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Hồng Sơn.- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 59 /2017/TLST- HNGĐ ngày 28/3/2017 về “ *Tranh chấp HN&GD*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXX - ST ngày 05/ 7/2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 ( có mặt )

Địa chỉ: thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

***Bị đơn:*** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt có lý do chính đáng)

Nơi ĐKKHKT: thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang trú tại: 44/11 đường K, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/3/2017 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sau khi kết hôn được 05 tháng- 06 tháng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T quan hệ ngoại tình, không chịu làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị T như vậy, anh khuyên bảo, chị T không sửa chữa. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2013 nguyên nhân là do chị T về xin lỗi gia đình vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chị T không sửa chữa, vẫn có quan hệ ngoại tình và không chăm lo cuộc sống gia đình, anh khuyên bảo chị T, không sửa chữa. Chị T về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy, hai gia đình dàn xếp không có kết quả. Ngày 08 tháng 3 năm

2017 anh và chị T có biên bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang giải quyết ly hôn.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung Nguyễn Ngọc T, sinh 09/9/2008, Nguyễn Anh T, sinh 01/11/2011, nay anh đồng ý chị T nuôi con chung.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh Đ xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Chị Phạm Thị T là bị đơn trình bày:**

Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn năm 2008, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập. Năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hiểu nhau, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng ly thân được khoảng 05 năm nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ xin ly hôn chị đồng ý.

**Con chung:** Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Ngọc T, sinh 09/9/2008, Nguyễn Anh T, sinh 01/11/2011 hiện đang ở với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết chị nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác không có nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:***

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 271, 273 BLTTDS, Căn cứ các Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết 326, áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Quan hệ vợ chồng: anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Phạm Thị T

- Con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh 09/9/2008 và cháu Nguyễn Anh T, sinh 01/11/2011 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về lệ phí, án phí buộc anh Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[ 1] Về tố tụng:** Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị T có biên bản thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang nơi cư trú của nguyên đơn giải

quyết ly hôn, căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án là đúng về thẩm quyền.

Chị Phạm Thị T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

**[2] Về nội dung:** Anh Đ và chị T kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2012 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm, không hiểu nhau, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng thực sự cắt đứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2012 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng anh Đ, chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Đ và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không, anh Đ xin ly hôn, chị T đồng ý là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

**[3] Con chung:** Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Ngọc T, sinh 09/9/2008, Nguyễn Anh T, sinh 01/11/2011 hiện đang ở với chị T. Quá trình làm việc anh Đ, chị T thỏa thuận chị T nuôi 02 con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh Đ và chị T thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, phù hợp Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và nguyện vọng con chung, HĐXX chấp nhận.

Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác anh Đ, chị T xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

**Án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, anh Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, 58, Khoản 2 Điều 81 các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm b Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH xử:

**Tình cảm:** Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Phạm Thị T.

**Con chung:** Giao 02 con chung Nguyễn Ngọc T, sinh 09/9/2008, Nguyễn Anh T, sinh 01/11/2011 cho chị T nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Đ có quyền thăm nom con chung.

**Án phí:** Anh Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 000836 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Anh Đ đã nộp đủ.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho nguyên đơn có mặt biết kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt án.

***Nơi gửi:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND( 02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Y.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thị Hương**